

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH PHÚ YÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 24/2011/NQ-HĐND

Tuy Hòa, ngày 21 tháng 9 năm 2011

NGHỊ QUYẾT
Về giải quyết việc làm, giảm nghèo tỉnh Phú Yên,
giai đoạn 2011-2015

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Điều 25 Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Sau khi xem xét Đề án giải quyết việc làm, giảm nghèo tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2011-2015 kèm theo Tờ trình số 38/TTr-UBND, ngày 30/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa và Xã hội và ý kiến của các đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án giải quyết việc làm, giảm nghèo tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2011-2015, với những nội dung cơ bản như sau:

1. Phân đầu đến năm 2015 đạt các chỉ tiêu cơ bản sau:

- Bình quân mỗi năm tạo việc làm mới 23.500 lao động, trong đó có 300 - 500 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

- Giảm tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị xuống còn 4,7% và tăng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn lên 87 - 88%.

- Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm tỷ trọng lao động nông - lâm - ngư nghiệp xuống còn 56 - 57%, tăng tỷ trọng lao động công nghiệp - xây dựng lên 18 - 19% và dịch vụ 25 - 26%.

- Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 55%, trong đó qua đào tạo nghề 41%.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 9,5% vào cuối năm 2015. (Bình quân mỗi năm giảm 2% tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới).

- Cơ bản xóa xong nhà ở tạm cho hộ nghèo vào cuối năm 2015.

2. Tổng nguồn kinh phí thực hiện Đề án là: 2.276 tỷ đồng. Trong đó, mỗi năm trích ngân sách Tỉnh để triển khai các giải pháp hỗ trợ việc làm cho người lao động và thành lập Quỹ giải quyết việc làm của Tỉnh là 06 tỷ đồng; và 2,212 tỷ đồng để thực hiện các giải pháp về giảm nghèo.

(Kèm theo Đề án giải quyết việc làm, giảm nghèo tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2011-2015).

3. Hội đồng nhân dân tỉnh nhấn mạnh một số nội dung sau:

- Giải quyết việc làm, giảm nghèo là một trong những vấn đề xã hội rất quan tâm, phải được triển khai thực hiện theo đúng tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ XV đã đề ra. Đây là nhiệm vụ quan trọng và có ý nghĩa chính trị - xã hội sâu sắc, do vậy các cấp, các ngành và hội, đoàn thể trong Tỉnh tập trung huy động mọi nguồn lực, phấn đấu đưa Nghị quyết của Đảng nhanh chóng đi vào cuộc sống nhân dân.

- Đảm bảo tính xã hội hóa cao, nhằm huy động sức mạnh của cộng đồng xã hội để hỗ trợ có hiệu quả cho người lao động, người nghèo, hộ nghèo và vùng nghèo trong Tỉnh. Đồng thời cần thực hiện tốt việc lồng ghép các chính sách, chương trình để giúp cho người nghèo có điều kiện tổ chức sản xuất, giải quyết việc làm, tăng thu nhập ổn định đời sống, góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

- Tổ chức đảm bảo nguồn kinh phí để thực hiện Đề án có hiệu quả.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có kế hoạch cụ thể, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và đại biểu HĐND tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định, tăng cường đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên khóa VI, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 21 tháng 9 năm 2011./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Tấn Việt

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH PHÚ YÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

**Chương trình Giải quyết việc làm - giảm nghèo tỉnh Phú Yên,
giai đoạn 2011-2015**

*(Kèm theo Nghị quyết số 24/2011/NQ-HĐND ngày 21/9/2011
của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên)*

I. Chương trình giải quyết việc làm

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung:

Nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập của lao động nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Hỗ trợ tạo việc làm và phát triển thị trường lao động, đặc biệt là khu vực nông thôn.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Bình quân mỗi năm tạo việc làm mới 23.500 lao động; trong đó xuất khẩu lao động từ 300 - 500 lao động, cho vay vốn giải quyết việc làm 2.200 lao động, thông qua các trung tâm giới thiệu việc làm từ 4.000 - 4.500 lao động và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội thu hút từ 16.000 - 16.500 lao động.

- Giảm tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị xuống dưới 4,7% và tăng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn lên 87-88 % vào năm 2015.

- Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm tỷ trọng lao động nông - lâm - ngư nghiệp xuống còn 56-57%, tăng tỷ trọng lao động Công nghiệp - Xây dựng lên 18-19 % và dịch vụ chiếm 25-26% vào năm 2015.

- Đào tạo nghề cho 52.000 lao động nông thôn, bình quân mỗi năm 10.400 lao động; phân đầu đến năm 2015 tỷ lệ lao động qua đào tạo là 55%, trong đó qua đào tạo nghề 41%.

2. Các giải pháp thực hiện

2.1. Cho vay vốn từ quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm.

- Nội dung thực hiện:

+ Tổ chức cho vay vốn đối với hộ gia đình, cá nhân, cơ sở sản xuất kinh doanh, tổ hợp tác, Hợp tác xã để tạo việc làm và tự tạo việc làm thông qua nguồn

vốn thu hồi và nguồn vốn bổ sung mới hàng năm. Cho vay đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

+ Thành lập Quỹ giải quyết việc làm cho người lao động của Tỉnh theo Thông tư số 73/2008/TT-BTC ngày 01/8/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng Quỹ giải quyết việc làm địa phương. Mỗi năm ngân sách Tỉnh trích ngân sách 5.000 triệu đồng. Nội dung chi và mức chi của nguồn quỹ giải quyết việc làm được thực hiện theo Thông tư số 73/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Kế hoạch thực hiện: Tổng kinh phí cho vay 168.000 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn thu hồi là 118.000 triệu đồng;

+ Trung ương bổ sung mới: 25.000 triệu đồng (5.000 triệu đồng/năm);

+ Ngân sách địa phương (quỹ giải quyết việc làm Tỉnh): 25.000 triệu đồng.

Bình quân mỗi năm bổ sung 5.000 triệu đồng để bổ sung nguồn vốn vay giải quyết việc làm cho người lao động.

- Tổ chức thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Phú Yên;

+ Cơ quan phối hợp: Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, các hội, đoàn thể và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

2.2. Công tác xuất khẩu lao động.

- Nội dung:

+ Tuyên truyền vận động, tổ chức đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, trong đó tập trung chủ yếu ở các thị trường Hàn Quốc, Nhật Bản, các nước thuộc khu vực Trung Đông và các nước có thu nhập cao.

+ Giáo dục định hướng, chi phí khám sức khỏe, học nghề, học tiếng nước ngoài, tuyên truyền vận động xuất khẩu lao động và trợ cấp cho lao động về trước thời hạn.

- Kế hoạch thực hiện: Giai đoạn 2011-2015 tổ chức đưa 2.000 người đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, bình quân mỗi năm từ 300 - 500 lao động.

- Kinh phí thực hiện: 10.000 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 9.000 triệu đồng;

+ Ngân sách Tỉnh: 1.000 triệu đồng.

- Tổ chức thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Sở Lao động-Thương binh và Xã hội.

+ Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Phú Yên, các trường có chức năng dạy nghề, các Trung tâm giới thiệu việc làm, các Công ty xuất khẩu lao động, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

2.3. Đào tạo nghề gắn với việc làm:

Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 155/2010/NQ-HĐND ngày 16/7/2010 của HĐND tỉnh Phú Yên khóa V; đa dạng hóa các loại hình ngành nghề đào tạo; đào tạo trong các trường dạy nghề, cơ sở sản xuất, làng nghề, phát triển mạng lưới dạy nghề; đào tạo các làng nghề phù hợp với chuyển dịch cơ cấu lao động gắn đào tạo với việc làm; trong đó tập trung xây dựng các nghề đào tạo trọng điểm, phấn đấu mỗi năm đào tạo nghề cho hơn 10.000 lao động.

2.4. Các hoạt động hỗ trợ phát triển thị trường lao động:

- Nội dung thực hiện:

+ Tổ chức các phiên giao dịch việc làm.

+ Xây dựng hệ thống sàn giao dịch việc làm để cung cấp thông tin về thị trường lao động.

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu, cập nhật thông tin về nguồn lao động, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và nhu cầu cung - cầu lao động.

- Kế hoạch kinh phí thực hiện: 7.000 triệu đồng; trong đó:

+ Ngân sách Trung ương hỗ trợ: 3.250 triệu đồng;

+ Ngân sách tỉnh: 3.750 triệu đồng.

- Tổ chức thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Sở Lao động-Thương binh và Xã hội.

+ Cơ quan phối hợp: Các Trung tâm giới thiệu việc làm, Các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

2.5. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực và truyền thông:

- Nội dung thực hiện: Tổ chức tập huấn đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ làm công tác quản lý lao động - việc làm từ cấp huyện đến cấp xã, hướng dẫn mở sổ theo dõi biến động thị trường lao động ở địa phương. Bồi dưỡng, đào tạo kỹ năng tư vấn, giới thiệu việc làm cho cán bộ của các Trung tâm giới thiệu việc làm. Thực hiện công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người lao động.

- Kế hoạch thực hiện: Đào tạo 2.000 lượt cán bộ làm công tác giải quyết việc làm các cấp, bình quân mỗi năm 400 người.

- Kinh phí thực hiện: 850 triệu đồng; trong đó: Ngân sách Trung ương hỗ trợ: 850 triệu đồng.

- Tổ chức thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Sở Lao động-Thương binh và Xã hội;

+ Cơ quan phối hợp: UBND các huyện, thị xã, thành phố.

2.6. Hoạt động giám sát đánh giá dự án:

- Nội dung thực hiện:

+ Thực hiện báo cáo theo hệ thống chỉ tiêu giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) giải quyết việc làm theo hướng dẫn Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

+ Triển khai các hoạt động giám sát của Ban chỉ đạo CTMTQG giảm nghèo cấp tỉnh và cấp huyện.

- Kế hoạch kinh phí thực hiện: 200 triệu đồng/năm x 5 năm = 1.000 triệu đồng; trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 750 triệu đồng.

+ Ngân sách địa phương: 250 triệu đồng.

- Tổ chức thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Sở Lao động-Thương binh và Xã hội.

+ Cơ quan phối hợp: Ban chỉ đạo giảm nghèo các cấp, tổ chuyên viên giúp việc Ban chỉ đạo.

Biểu tổng hợp nguồn lực kinh phí thực hiện Chương trình Giải quyết việc làm giai đoạn 2011-2015

Đơn vị tính: triệu đồng

Mục tiêu	Kế hoạch 2011-2015	Kinh phí TW (5 năm)	Kinh phí địa phương (5 năm)	Kinh phí ĐP bổ sung (hàng năm)
Tổng nguồn kinh phí (TW+ĐP)	186.850	156.850	30.000	6.000
Nguồn vốn vay giải quyết việc làm	168.000	143.000	25.000	5.000
Công tác xuất khẩu lao động	10.000	9.000	1.000	200
Hỗ trợ phát triển thị trường lao động	7.000	3.250	3.750	750
Đào tạo nâng cao năng lực và truyền thông	850	850	-	-
Giám sát đánh giá Chương trình	1.000	750	250	50

II. Chương trình mục tiêu giảm nghèo

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung:

Tăng cường và nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là đối với xã, thôn, buôn đặc biệt khó khăn; cải thiện điều kiện sống của người nghèo trên phạm vi cả Tỉnh. Tạo cơ hội để người nghèo, hộ nghèo ổn định và đa dạng hóa sinh kế, tăng thu nhập, vượt qua nghèo đói; đẩy nhanh tiến độ giảm nghèo ở các địa phương có tỷ lệ hộ nghèo cao; tăng cường khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo, nhất là phụ nữ và trẻ em nghèo; giảm thiểu tình trạng gia tăng thu nhập và bất bình đẳng về thu nhập và mức sống giữa các vùng miền và các nhóm dân cư.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Bình quân mỗi năm giảm 2% tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới; riêng các xã nghèo, xã thuộc vùng khó khăn giảm bình quân 3%/năm; Phấn đấu đến cuối năm 2015, giảm tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 9,5%.

- Bảo đảm hộ nghèo, người nghèo tiếp cận được các dịch vụ xã hội cơ bản; được hỗ trợ cải thiện về nhà ở, nước sinh hoạt, đặc biệt hộ nghèo, người nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện nghèo, xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn. Phấn đấu đến cuối năm 2015 cơ bản xóa xong nhà ở tạm cho hộ nghèo.

- Các huyện nghèo, xã, thôn bản đặc biệt khó khăn cơ bản có đủ cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống của người dân.

1.3. Các chỉ tiêu cần đạt được:

Chỉ tiêu 1: Hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng ở 08 xã nghèo đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển. Đảm bảo đến năm 2015, các xã này cơ bản hoàn thành hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất và dân sinh.

Chỉ tiêu 2: 67.000 lượt hộ nghèo được vay mới từ Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, trong đó vay vốn phát triển sản xuất 37.500 lượt hộ; vay vốn hỗ trợ học tập 25.000 lượt hộ; vay xóa nhà ở tạm 4.500 hộ.

Chỉ tiêu 3: 1.500.000 lượt người nghèo, người cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số đang sinh sống tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn được cấp thẻ bảo hiểm y tế (BHYT), bình quân mỗi năm 300.000 lượt người.

Chỉ tiêu 4: 375.000 lượt học sinh nghèo, học sinh đồng bào dân tộc thiểu số được miễn, giảm học phí và hỗ trợ đi học, bình quân mỗi năm 75.000 lượt học sinh.

Chỉ tiêu 5: Hỗ trợ xóa nhà ở tạm cho 6.459 hộ nghèo.

Chỉ tiêu 6: Ít nhất 10.000 lượt người nghèo được tập huấn về khuyến nông-lâm-ngư, chuyển giao kỹ thuật, hướng dẫn cách làm ăn (bình quân mỗi năm 2.000 lượt người).

Chỉ tiêu 7: Bố trí và phụ cấp cho cán bộ làm công tác xóa đói giảm nghèo ở cả 03 cấp tỉnh, huyện và xã. Tập huấn nâng cao năng lực cho 4.800 lượt cán bộ cấp xã và trưởng thôn, buôn, khu phố và 200 cán bộ cấp huyện và cấp tỉnh của các ngành, các tổ chức hội, đoàn thể có liên quan.

Chỉ tiêu 8: Xây dựng được ít nhất 15 mô hình xóa đói giảm nghèo bền vững ở các xã nghèo.

Chỉ tiêu 9: Trợ giúp pháp lý cho 2.500 lượt người nghèo và nhân dân sinh sống tại các vùng khó khăn.

2. Đối tượng, phạm vi của chương trình

2.1. Đối tượng:

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số.
- Huyện nghèo, xã nghèo, xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.
- Cán bộ làm công tác xóa đói giảm nghèo các cấp và các hội, đoàn thể.

2.2. Phạm vi thực hiện: Chương trình được thực hiện trên phạm vi toàn Tỉnh và tập trung vào một số nội dung sau:

- Tạo điều kiện cho người nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập thông qua các hoạt động; gồm: Cung cấp tín dụng cho hộ nghèo, xây dựng và nhân rộng các mô hình xóa đói giảm nghèo bền vững, hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã nghèo đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển; hỗ trợ khuyến nông-lâm-ngư và phát triển sản xuất, dạy nghề gắn với tạo việc làm cho người nghèo.

- Tạo điều kiện cho người nghèo tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản thông qua các hoạt động, gồm: Hỗ trợ người nghèo tiếp cận dịch vụ y tế, giáo dục, nhà ở.

- Nâng cao nhận thức, năng lực của các cấp, các ngành, các tổ chức và người dân về xóa đói giảm nghèo thông qua các hoạt động: Bố trí, đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ tham gia công tác xóa đói giảm nghèo, tổ chức các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức, xây dựng hệ thống thông tin báo cáo và hoạt động giám sát, đánh giá.

3. Giải pháp thực hiện giảm nghèo

3.1. Nhóm giải pháp hỗ trợ hộ nghèo phát triển sản xuất, cải thiện thu nhập:

a) Chính sách tín dụng cho hộ nghèo:

- Nội dung thực hiện:

+ Cho vay tín dụng ưu đãi, giúp hộ nghèo phát triển sản xuất.

+ Chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Hỗ trợ cho vay xóa nhà ở tạm cho hộ nghèo theo Quyết định số 167/2009/QĐ-TTg ngày 12/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

- Kế hoạch kinh phí thực hiện:

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất: Cho vay mới 7.500 hộ nghèo/năm, với doanh số cho vay 150.000 triệu đồng. Tổng dư nợ đến cuối năm 2015 đạt 60.500 hộ, với 563.000 triệu đồng, mức tăng trưởng dư nợ hàng năm từ 5 - 10%.

+ Đối với cho vay hỗ trợ học sinh, sinh viên: Cho vay mới mỗi năm 5.000 học sinh, sinh viên và 20.000 học sinh, sinh viên cũ với doanh số cho vay bình quân mỗi năm 205.000 triệu đồng. Tổng dư nợ cuối năm 2015 là 42.500 người, với tổng dư nợ 467.000 triệu đồng.

+ Đối với cho vay hỗ trợ xóa nhà ở tạm: Tổng số hộ cho vay 6.000 hộ, với tổng số vốn cho vay 48.000 triệu đồng. Tổng dư nợ đến cuối năm 2015 là 7.264 hộ, tổng dư nợ 60.000 triệu đồng.

- Tổ chức thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

+ Cơ quan phối hợp: Các tổ chức hội, đoàn thể, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

b) Dự án xây dựng và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững:

- Nội dung thực hiện: Xây dựng một số mô hình giảm nghèo bền vững, nhằm giúp cho một bộ phận hộ nghèo phát huy nguồn lực tại chỗ, đầu tư sản xuất, lựa chọn giống và vật nuôi cây trồng có năng suất cao, phù hợp với lợi thế vùng sinh thái, tạo việc làm tại chỗ, tăng thu nhập, giúp hộ gia đình vượt nghèo bền vững. Trong đó ưu tiên đối với một số hộ nghèo chính sách, hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số. Riêng đối với chương trình hỗ trợ giảm nghèo bền vững đối với các vùng khó khăn sẽ có đề án riêng.

- Đối tượng: Là những hộ nghèo nhiều năm liền, có ý thức tự lực vươn lên, có điều kiện tổ chức sản xuất như nguồn nhân lực, chuồng trại, đồng cỏ tự nhiên... nhưng thiếu vốn, thiếu kiến thức tổ chức sản xuất, thu nhập bấp bênh, có nhu cầu hỗ trợ đầu tư tổ chức sản xuất và nhân rộng, tăng thu nhập, ổn định đời sống.

- Phạm vi thực hiện: Xã nghèo.

- Kế hoạch kinh phí thực hiện: Tổng số hộ tham gia dự án 1.200 hộ, với tổng nguồn vốn thực hiện: 12.000 triệu đồng; trong đó:

+ Ngân sách Trung ương hỗ trợ: 5.000 triệu đồng.

- + Ngân sách tỉnh hỗ trợ: 5.000 triệu đồng.
- + Nguồn huy động từ các tổ chức cá nhân: 2.000 triệu đồng.

- Tổ chức thực hiện:

- + Cơ quan chủ trì: Sở Lao động-Thương binh và Xã hội.
- + Cơ quan phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

c) Dự án khuyến nông - khuyến công và hỗ trợ phát triển sản xuất cho người nghèo:

- Nội dung hoạt động:

+ Tổ chức các lớp tập huấn khuyến nông, khuyến công, “Hội thảo đầu bờ”, soạn thảo và cấp phát các tài liệu về hướng dẫn và chuyển giao, kỹ thuật sản xuất.

+ Xây dựng các mô hình sản xuất, giúp hộ nghèo nhân rộng và phát triển sản xuất.

+ Hỗ trợ giống, vật tư và phương tiện sản xuất.

+ Tăng cường mạng lưới khuyến nông viên cơ sở và tập huấn nâng cao năng lực nghiệp vụ cho đội ngũ khuyến nông-lâm-ngư.

+ Xây dựng các câu lạc bộ khuyến nông của người nghèo.

- Kế hoạch kinh phí thực hiện: Tổng số hộ nghèo được hỗ trợ 10.000 hộ, với nguồn vốn thực hiện 30.000 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương hỗ trợ: 25.000 triệu đồng.

+ Ngân sách lồng ghép: 3.000 triệu đồng.

+ Huy động khác: 2.000 triệu đồng.

- Tổ chức thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương.

+ Cơ quan phối hợp: Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Liên minh các hợp tác xã, các tổ chức hội, đoàn thể, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng cho các xã nghèo đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển:

- Nội dung thực hiện: Hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng, ưu tiên các công trình phục vụ sản xuất như công trình thủy lợi, đường dân sinh, điện phục vụ sản xuất, chợ xã, bờ bao chống triều cường, kè, trạm bơm cấp nước biển cho nuôi trồng thủy sản, làm muối, đường ra bến cá... Sửa chữa, tu bổ và nâng cấp các công trình thiết yếu đã có để phát triển sản xuất hàng hóa và phục vụ dân sinh.

- Địa bàn thực hiện: 8 xã được Chính phủ công nhận, gồm: xã Hòa Tâm, xã Hòa Hiệp Nam, huyện Đông Hòa; xã An Phú, thành phố Tuy Hòa; xã An Hòa, xã An Hải, xã An Ninh Đông, huyện Tuy An; xã Xuân Thọ 2, xã Xuân Thịnh, thị xã Sông Cầu.

Ngoài ra, tiếp tục đề nghị Chính phủ xem xét công nhận 2 huyện Sông Hinh và Đồng Xuân vào danh sách huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/NQ-CP của Chính phủ.

- Kế hoạch kinh phí thực hiện: Triển khai thực hiện 40 công trình, với tổng kinh phí thực hiện 50.000 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương hỗ trợ: 40.000 triệu đồng (1.000 triệu đồng/xã/năm).

+ Vốn lồng ghép: 5.000 triệu đồng.

+ Huy động nhân dân và các nguồn vốn khác: 5.000 triệu đồng.

- Tổ chức thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: UBND các huyện, thị xã, thành phố.

+ Cơ quan phối hợp: Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3.2. Tạo cơ hội để người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội:

a) Chính sách hỗ trợ về y tế:

- Nội dung thực hiện:

+ Cấp thẻ BHYT cho người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số đang sinh sống tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.

+ Hỗ trợ mua thẻ BHYT cho người thuộc diện hộ cận nghèo. Trong đó ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% kinh phí mua BHYT, đối tượng cận nghèo tham gia đóng góp 50%.

- Kế hoạch thực hiện: Bình quân mỗi năm thực hiện từ 300.000 người, trong đó:

+ Người nghèo: 165.000 người.

+ Đồng bào dân tộc thiểu số vùng khó khăn: 35.000 người.

+ Người thuộc diện cận nghèo: 100.000 người.

- Kinh phí thực hiện: 591.300 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương hỗ trợ: 492.750 triệu đồng.

+ Kinh phí tham gia của hộ cận nghèo: 98.550 triệu đồng.

- Tổ chức thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Sở Y tế.

+ Cơ quan phối hợp: Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, Ban Dân tộc và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

b) Chính sách hỗ trợ về giáo dục:

- Nội dung thực hiện:

+ Thực hiện miễn giảm học phí cho học sinh thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đang sinh sống tại các xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

+ Hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh nghèo, học sinh có hộ khẩu thường trú tại các xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

- Cơ chế chính sách: Thực hiện theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 29/2010/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính.

- Kế hoạch thực hiện: Số học sinh được hỗ trợ hàng năm là: 75.000 lượt em.

- Kinh phí thực hiện: 856.250 triệu đồng. Trong đó:

+ Miễn giảm học phí: 153.000 triệu đồng.

+ Hỗ trợ chi phí học tập: 236.250 triệu đồng.

+ Hỗ trợ vốn vay học sinh, sinh viên: 467.000 triệu đồng.

- Tổ chức thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo.

+ Cơ quan phối hợp: Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, Ban Dân tộc và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

c) Chính sách hỗ trợ xóa nhà ở tạm cho hộ nghèo:

- Nội dung thực hiện:

+ Tiếp tục thực hiện xóa nhà ở tạm cho hộ nghèo theo Chương trình 167 và hộ nghèo thuộc khu vực đô thị (ngoài Chương trình 167). Riêng đối với số hộ nghèo có nhà ở tạm theo tiêu chí hộ nghèo giai đoạn 2006-2010 (2.576 hộ), phấn đấu hoàn thành xong trong năm 2011.

+ Tiếp tục thực hiện hỗ trợ giải quyết đất ở cho hộ nghèo theo Quyết định số 1105/QĐ-UBND ngày 20/6/2007 của UBND tỉnh về việc quy định giải quyết đất ở cho hộ nghèo không có đất xây dựng nhà ở.

+ Mức hỗ trợ:

Hộ nghèo chính sách, hộ nghèo dân tộc thiểu số: 20 triệu đồng/hộ.

Hộ nghèo khác: 16,4 triệu đồng/hộ.

- Kế hoạch thực hiện từ năm 2012-2015: Tổng số hộ nghèo có nhà ở tạm 6.459 hộ; trong đó: Hộ nghèo chính sách 56 hộ; Hộ nghèo dân tộc thiểu số 2.196 hộ; Hộ nghèo khác: 4.207 hộ.

- Kinh phí thực hiện: 162.035 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương hỗ trợ: 43.531 triệu đồng.

+ Nguồn huy động khác: 70.504 triệu đồng.

+ Nguồn vốn vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội: 48.000 triệu đồng (6.000 hộ).

- Tổ chức thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Sở Lao động-Thương binh và Xã hội.

+ Cơ quan phối hợp: Sở Xây dựng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức hội, đoàn thể, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Ban Dân tộc, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Chính sách hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ trợ giúp pháp lý:

- Nội dung thực hiện: Thực hiện trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo, ưu tiên và tập trung hơn đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở xã, thôn, buôn đặc biệt khó khăn.

- Kế hoạch thực hiện: Mỗi năm thực hiện trợ giúp pháp lý cho 2.000 người nghèo, thông qua các câu lạc bộ trợ giúp pháp lý ở cơ sở và tổ chức các đợt trợ giúp pháp lý lưu động.

- Kinh phí thực hiện: 1.000 triệu đồng (ngân sách Trung ương).

- Tổ chức thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp.

+ Cơ quan phối hợp: Các tổ chức hội, đoàn thể, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

3.3. Nâng cao năng lực và nhận thức:

a) Dự án đào tạo cán bộ làm công tác giảm nghèo:

- Nội dung thực hiện:

+ Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã, thôn và cán bộ các hội, đoàn thể.

+ Tổ chức cho các thành viên Ban chỉ đạo giảm nghèo các cấp, thành viên tổ chuyên viên giúp việc tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ do các Bộ, ngành Trung ương tổ chức về đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo. Đồng thời tổ chức các đợt trao đổi, học tập kinh nghiệm ở một số tỉnh thành có nhiều mô hình hiệu quả trong công tác giảm nghèo.

- Kế hoạch kinh phí thực hiện: 1.100 triệu đồng. Trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 1.100 triệu đồng.

- Tổ chức thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Sở Lao động-Thương binh và Xã hội.

+ Cơ quan phối hợp: Các tổ chức hội, đoàn thể, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

b) Hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức:

- Nội dung thực hiện:

+ Tổ chức tuyên truyền về công tác giảm nghèo, giới thiệu các mô hình hay về giảm nghèo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

+ Lồng ghép tuyên truyền vận động nâng cao nhận thức cho người nghèo, tự lực vươn lên, tránh tư tưởng ỷ lại trông chờ, thông qua sinh hoạt các tổ nhóm của các hội đoàn thể cơ sở.

+ Tổ chức các buổi nói chuyện truyền thông trực tiếp.

- Kinh phí thực hiện: 1.250 triệu đồng. Trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 1.250 triệu đồng.

- Tổ chức thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Sở Lao động-Thương binh và Xã hội.

+ Cơ quan phối hợp: Các cơ quan báo đài, các tổ chức hội, đoàn thể.

c) Xây dựng kiện toàn đội ngũ làm công tác giảm nghèo:

- Nội dung thực hiện:

+ Kiện toàn Ban chỉ đạo giảm nghèo các cấp và tổ chuyên viên giúp việc cho Ban chỉ đạo cấp tỉnh.

+ Bố trí 02 cán bộ hợp đồng chuyên trách làm công tác giảm nghèo cấp tỉnh.

+ Củng cố đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã. Mỗi xã có 01 cán bộ làm công tác giảm nghèo (kiêm nhiệm).

+ Mức phụ cấp cho thành viên Ban chỉ đạo và tổ chuyên viên cấp tỉnh:

Ban chỉ đạo cấp tỉnh và tổ chuyên viên giúp việc cấp tỉnh 450.000 đồng/người/quý.

Ban chỉ đạo cấp huyện, thị xã, thành phố: 300.000 đồng/người/quý.

Hợp đồng kiêm nhiệm cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã: 350.000 đồng/người/tháng.

- Kinh phí thực hiện: 812 triệu đồng/năm x 5 năm = 4.060 triệu đồng.

- Tổ chức thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Sở Lao động-Thương binh và Xã hội.

+ Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ, Sở Tài chính, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Hoạt động giám sát đánh giá dự án:

- Nội dung thực hiện:

+ Thực hiện báo cáo theo hệ thống chỉ tiêu giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, ban hành kèm theo Quyết định số 23/QĐ-BLĐTĐBXH ngày 05/10/2007 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội và Quyết định số 406/QĐ-UBND; 407/QĐ-UBND ngày 03/6/2008 của UBND tỉnh.

+ Triển khai các hoạt động giám sát của Ban chỉ đạo chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo cấp tỉnh và cấp huyện, theo định kỳ 6 tháng 01 lần.

+ Triển khai việc đánh giá chất lượng của dự án, chính sách giảm nghèo theo Thông tư số 30/2009/BLĐTĐBXH của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

- Hướng dẫn, thực hiện công tác điều tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Kế hoạch kinh phí thực hiện: 3.250 triệu đồng. Trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 1.750 triệu đồng.

+ Ngân sách địa phương: 1.500 triệu đồng.

- Tổ chức thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Sở Lao động-Thương binh và Xã hội.

+ Cơ quan phối hợp: Ban chỉ đạo giảm nghèo các cấp, tổ chuyên viên giúp việc Ban chỉ đạo.

4. Kinh phí thực hiện

Căn cứ Thông tư số 102/2007/TTLB-BTC-BLĐTĐBXH ngày 20/8/2007 của Bộ Tài chính - Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với một số dự án của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, cơ chế tài chính đối với chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo thực hiện như sau:

Hàng năm, căn cứ Đề án đã được phê duyệt, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp cùng các sở, ngành, đơn vị liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng dự toán ngân sách gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt để gửi Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tổng nguồn kinh phí thực hiện Chương trình trong 5 năm là 2.275.745 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ: 1.000.631 triệu đồng.

- Ngân sách tỉnh: 11.060 triệu đồng.

- Vốn lồng ghép: 8.000 triệu đồng.
- Nguồn vốn vay tín dụng: 1.078.000 triệu đồng.
- Huy động khác: 178.054 triệu đồng.

(Có Bảng tổng hợp về nguồn ngân sách phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2011-2015 đính kèm)

III. Tổ chức thực hiện

1. Kiện toàn Ban chỉ đạo chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm và giảm nghèo các cấp. Xây dựng quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, thường xuyên kiểm tra, giám sát, đảm bảo chương trình thực hiện đạt mục tiêu đề ra.

2. Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ từng sở, ban ngành và địa phương chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện. Đồng thời xây dựng lồng ghép các nội dung và hoạt động có cùng mục tiêu về giải quyết việc làm và giảm nghèo do ngành mình quản lý để tăng hiệu quả của chương trình.

3. Phân công trách nhiệm từng sở, ngành và địa phương:

3.1. Sở Lao động-Thương binh và Xã hội: Là cơ quan thường trực Chương trình, giúp UBND tỉnh chỉ đạo thống nhất Chương trình việc làm và giảm nghèo; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện Chương trình việc làm và giảm nghèo trên địa bàn Tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành, các địa phương xác định đối tượng để thực hiện các chính sách, đề án thuộc Chương trình gồm: Đào tạo cán bộ việc làm - giảm nghèo; xây dựng hệ thống thông tin giám sát, đánh giá; chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo; xây dựng và nhân rộng mô hình xóa đói giảm nghèo; hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức, xây dựng củng cố đội ngũ tham gia công tác giảm nghèo trên địa bàn Tỉnh.

- Xây dựng Đề án hỗ trợ giảm nghèo bền vững cho các vùng khó khăn giai đoạn 2011-2015; hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện chính sách dạy nghề, tạo việc làm, xuất khẩu lao động và phát triển thị trường lao động.

3.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Cân đối và phân bổ nguồn lực cho chương trình; phối hợp với các sở, ban ngành liên quan xây dựng cơ chế, chính sách thực hiện chương trình. Lập kế hoạch lồng ghép nguồn lực từ các chương trình kinh tế xã hội của tỉnh với chương trình việc làm và giảm nghèo.

3.3. Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp nguồn lực thực hiện chương trình hàng năm, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định. Theo dõi cấp phát, giám sát chi tiêu tài chính.

3.4. Cục Thống kê: Phối hợp cùng Sở Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn, chỉ đạo triển khai công tác điều tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm, công bố tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo, phục vụ công tác chỉ đạo điều hành phát triển kinh tế xã hội của chính quyền địa phương các cấp.

3.5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì thực hiện dự án khuyến nông - lâm-ngư và hỗ trợ phát triển sản xuất cho hộ nghèo.

3.6. Sở Công Thương: Chủ trì thực hiện dự án khuyến công và hỗ trợ phát triển sản xuất cho hộ nghèo.

3.7. Sở Y tế: Chủ trì, phối hợp cùng các sở, ban ngành có liên quan thực hiện chính sách hỗ trợ y tế cho người nghèo, người cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số đang sinh sống tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.

3.8. Sở Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì, phối hợp cùng các sở, ban ngành có liên quan thực hiện chính sách hỗ trợ ưu đãi về giáo dục cho người nghèo.

3.9. Ban Dân tộc: Chủ trì và triển khai các chính sách giảm nghèo đặc thù cho đồng bào dân tộc thiểu số và nhân dân sinh sống tại các xã, thôn, buôn đặc biệt khó khăn. Phối hợp cùng các địa phương thực hiện tốt chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo thuộc vùng khó khăn theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg.

3.10. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh: Chủ trì, phối hợp cùng các tổ chức hội, đoàn thể, các ngành và địa phương thực hiện chính sách hỗ trợ cho vay giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động và các nguồn vốn tín dụng ưu đãi khác cho người nghèo như: Hỗ trợ phát triển sản xuất, xóa nhà ở tạm, hỗ trợ học sinh, sinh viên.

3.11. Sở Xây dựng: Chủ trì, phối hợp cùng các sở, ngành và địa phương triển khai hỗ trợ xóa nhà ở tạm cho hộ nghèo theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg.

3.12. Sở Tư pháp: Chủ trì triển khai chính sách hỗ trợ pháp lý cho người nghèo và nhân dân sinh sống tại các vùng khó khăn.

3.13. Các sở, ban ngành liên quan: Theo chức năng và nhiệm vụ chủ động triển khai và phối hợp với Sở Lao động-Thương binh và Xã hội thực hiện các chính sách, đề án của Chương trình đối với người nghèo, hộ nghèo, xã nghèo. Đề xuất các chính sách cụ thể để hỗ trợ cho người nghèo, hộ nghèo, xã nghèo.

3.14. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: Căn cứ mục tiêu và nội dung đề án cấp tỉnh, chủ động xây dựng Chương trình giải quyết việc làm và giảm nghèo ở địa phương, đồng thời tích cực phối hợp cùng các ngành có liên quan triển khai các chính sách và dự án trên địa bàn.

3.15. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh chủ trì, phối hợp với các tổ chức thành viên, chỉ đạo các cấp hội cơ sở tổ chức tốt công tác tuyên truyền, vận động hội viên và toàn dân hưởng ứng, tham gia các cuộc vận động hỗ trợ giảm nghèo như phong trào “Ngày vì người nghèo”; phong trào “Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư”; xây dựng nông thôn mới; động viên, phát huy tính tự chủ của người dân vươn lên thoát nghèo.

3.16. Các phương tiện thông tin đại chúng có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Nhà nước về công tác việc làm và giảm nghèo. Đồng thời tuyên truyền phổ biến những mô hình giảm nghèo có hiệu quả để các địa phương trao đổi học tập kinh nghiệm và nhân rộng trên địa bàn tỉnh.

Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm và giảm nghèo là một chương trình kinh tế - xã hội mang tính toàn diện, Chương trình được triển khai thực hiện thông qua hệ thống chính sách và đề án cụ thể, vì thế cần có sự phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành, các tổ chức hội, đoàn thể và sự tham gia của cộng đồng, đặc biệt là sự nỗ lực vươn lên của chính bản thân người nghèo. Để đạt được mục tiêu đề ra, Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức chỉ đạo và triển khai đồng bộ các giải pháp nêu trên, tạo nên một phong trào sâu rộng trong tất cả các cấp, các ngành, tổ chức đoàn thể và nhân dân về giải quyết việc làm và giảm nghèo, đồng thời rất mong sự quan tâm giúp đỡ của các Bộ, ngành Trung ương, tạo điều kiện thuận lợi để Phú Yên hoàn thành tốt mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội Tỉnh Đảng bộ lần thứ XV đã đề ra, tạo công ăn việc làm ổn định cho nhân dân, góp phần cùng cả nước giảm nhanh tỷ lệ hộ nghèo, từng bước nâng cao đời sống nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Tấn Việt

BẢNG TỔNG HỢP NGÂN SÁCH CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO 2011-2015

Đơn vị tính: triệu đồng

ST T	Nội dung chính sách, đề án	Tổng kinh phí	Chia ra theo các nguồn					NS tỉnh bổ sung hàng năm	Cơ quan chủ trì
			TW hỗ trợ	Ngân sách tỉnh	Vốn lồng ghép	Vốn tín dụng	Huy động khác		
	Tổng kinh phí	2.275.745	1.000.631	11.060	8.000	1.078.000	178.054	2.212	
I	Hỗ trợ phát triển sản xuất tăng thu nhập								
1	Chính sách hỗ trợ tín dụng hộ nghèo	563.000				563.000			Ngân hàng CSXH
2	Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững	12.000	5.000	5.000			2.000	1.000	Sở LĐ-TB&XH
3	Dự án hỗ trợ khuyến nông - khuyến công và hỗ trợ phát triển sản xuất	30.000	25.000		3.000		2.000		Sở NN&PTNT
4	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng xã nghèo bãi ngang ven biển	50.000	40.000		5.000		5.000		UBND các huyện
II	Các chính sách về giảm nghèo								
1	Hỗ trợ về y tế	591.300	492.750				98.550		Sở Y Tế
2	Hỗ trợ về giáo dục	856.250	389.250			467.000			Sở Giáo dục và UBND huyện
3	Hỗ trợ xóa nhà ở tạm cho hộ nghèo	162.035	43.531			48.000	70.504		Sở LĐ-TBXH và UBND huyện
4	Trợ giúp pháp lý cho người nghèo	1.000	1.000						Sở Tư pháp
III	Nâng cao năng lực và nhận thức								
1	Đào tạo cán bộ làm công tác giảm nghèo	1.100	1.100						Sở LĐ-TBXH
2	Hoạt động truyền thông, tuyên truyền	1.250	1.250						Sở LĐ-TBXH
3	Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác GN								Sở LĐ-TBXH
	Hợp đồng 2 cán bộ làm công tác giảm nghèo	590		590				118	Sở LĐ-TBXH
	Phụ cấp BCD giảm nghèo cấp tỉnh và tổ chuyên viên	270		270				54	Sở LĐ-TBXH
	Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp huyện	3.200		3.200				640	UBND huyện
4	Giám sát đánh giá, điều tra hộ nghèo	3.250	1.750	1.500				300	Sở LĐ-TBXH
5	Quản lý thực hiện chương trình	500		500				100	Sở LĐ-TBXH